

Số: 199/QĐ - TTYT

Kim Động, ngày 08 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh mục, dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Mua sắm vật tư, văn phòng phẩm của Trung tâm y tế huyện Kim Động.**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ KIM ĐỘNG

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH 13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị định số 63/2014/NĐ- CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Thông tư số 58/2016/TT- BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp; Thông tư số 68/2022/TT- BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 58/2016/TT – BTC;

Căn cứ Quyết định số: 968/ QĐ - SYT ngày 16/12/2022 của Sở y tế Tỉnh về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm vật tư, văn phòng phẩm của Trung tâm y tế huyện Kim Động, như sau:

1. Nội dung công việc: Mua sắm vật tư, văn phòng phẩm của Trung tâm y tế huyện Kim Động.

2. Danh mục: Chi tiết tại phụ lục.

3. Giá trị dự toán: 66.828.600, đồng.

Bằng chữ: (Sáu mươi sáu triệu tám trăm hai tám ngàn sáu trăm đồng chẵn.)

Giá trị dự toán là mức giá đã bao gồm các loại thuế, chi phí vận chuyển, bàn giao hàng tại Trung tâm Y tế Kim Động, chất lượng hàng hóa mới 100%, sản xuất từ năm 2023 trở đi.

Dự toán tính tại thời điểm quý III năm 2023.

(Danh mục, số lượng, quy cách và dự toán chi tiết theo phụ lục.)

4. Nguồn kinh phí mua sắm: Từ nguồn quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn thu dịch vụ y tế, nguồn Ngân sách cấp năm 2023.

5. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
Mua sắm vật tư, văn phòng phẩm của Trung tâm y tế huyện Kim Động	66.828.600	Chỉ định thầu rút gọn	Quý III/ 2023	Trọn gói	20 ngày
Tổng	66.828.600				

Điều 2. Trưởng phòng Tổ chức hành chính tài chính và các bộ phận liên quan căn cứ quyết định thi hành./. 

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT,



GIÁM ĐỐC


Phạm Khả Song

Phụ lục

Danh mục, dự toán: Mua sắm vật tư, văn phòng phẩm của Trung tâm y tế huyện Kim Động.

(Kèm theo Quyết định số 199/QĐ-TTĐT ngày 08/9/2023 của Trung tâm y tế huyện Kim Động)

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Túi bóng xanh 5 kg	Kg	35	68.000	2.380.000
2	Túi bóng vàng 5 kg	Kg	30	63.900	1.917.000
3	Ấm chén hải dương	Bộ	1	290.000	290.000
4	Túi bóng xanh 10kg	Kg	63	68.800	4.334.400
5	Túi bóng vàng 10kg	Kg	32	63.900	2.044.800
6	Túi bóng trắng 10 kg	Kg	9	72.000	648.000
7	Túi bóng đen 10 kg	Kg	4	62.900	251.600
8	Túi cúc to	Chiếc	230	6.500	1.495.000
9	Túi nhựa bấm cúc nhỏ	Chiếc	155	5.000	775.000
10	Túi bóng đen 20 kg	Kg	2	62.900	125.800
11	Bàn đập ghim nhỏ	Cái	16	19.500	312.000
12	Ruột đập ghim nhỏ	Cây	9	92.500	832.500
13	Gim cài	Hộp	29	35.000	1.015.000
14	Bút dạ đen	Cái	25	9.800	245.000
15	Bút viết xét nghiệm	Cái	85	11.000	935.000
16	Giấy lau cuộn	Bịch	115	49.000	5.635.000
17	Bút bi đỏ	Chiếc	16	5.000	80.000
18	Bút xóa	Cái	12	20.000	240.000
19	Kẹp sắt nhỏ	Hộp	37	8.500	314.500
20	Kẹp sắt to	Hộp	15	38.400	576.000
21	Kẹp sắt vừa	Hộp	14	23.500	329.000
22	Khăn lau tay	Cái	142	32.000	4.544.000
23	Chổi chít	Cái	19	32.500	617.500
24	Bàn lau nhà	Cái	23	85.000	1.955.000
25	Ấm siêu tốc	Cái	8	320.000	2.560.000
26	Pin tiểu	Đôi	32	15.000	480.000
27	Sổ 400 trang	Quyển	12	35.000	420.000
28	Vở học sinh	Quyển	45	8.400	378.000
29	Sổ bìa cứng A4 (240 trang)	Quyển	6	57.000	342.000
30	Ruột gấp ghim nhỏ	Hộp	2	20.000	40.000
31	Pin tiểu AA Míc	Hộp	2	450.000	900.000
32	Cặp 3 dây(cái)	Cái	115	11.500	1.322.500
33	Cốc nhựa có nắp	Cái	10	17.000	170.000
34	Sổ bìa cứng đỏ 400tr	Quyển	5	80.000	400.000
35	Rổ nhựa to	Cái	2	51.000	102.000
36	Xà phòng Omo giặt (kg)	Kg	5	47.000	235.000
37	Giấy nhó vàng nhỏ	Tệp	13	10.000	130.000
38	Hồ dán lọ nhỏ	Lọ	290	6.500	1.885.000
39	Chậu nhựa to	Cái	2	58.000	116.000

40	Băng dính xanh đóng gói	Cuộn	12	25.000	300.000
41	Chổi nhựa	Cái	13	49.000	637.000
42	Màng bọc thực phẩm cuộn to	Cuộn	10	120.000	1.200.000
43	Pin trung điện châm	Đôi	60	30.000	1.800.000
44	Cọ sắt	Cái	2	6.000	12.000
45	Bút bi thiên long	Hộp	55	82.000	4.510.000
46	Bàn chải nhựa	Cái	4	10.000	40.000
47	Bàn cọ nhà vệ sinh	Cái	5	25.000	125.000
48	Khăn phủ bàn nhựa linon (2x3m)	Cái	5	165.000	825.000
49	Bút bi dính bàn	Bộ	11	29.000	319.000
50	Thùng đựng rác 30l	Thùng	2	185.000	370.000
51	Nước tẩy bồn cầu	Chai	30	45.000	1.350.000
52	Nước lau sàn	Chai	28	38.000	1.064.000
53	Thảm vải lau chân	Cái	10	39.000	390.000
54	Kéo	Cái	2	20.000	40.000
55	Xô nhựa 20l	Cái	4	78.000	312.000
56	Nước rửa tay	Chai	55	67.000	3.685.000
57	Giá đựng tài liệu 3 tầng	Cái	2	185.000	370.000
58	Mực dấu xanh	lọ	12	45.000	540.000
59	Hót rác nhựa (cái)	Cái	5	25.000	125.000
60	Đép nhựa	Đôi	10	25.000	250.000
61	Đạn ghim to	Hộp	1	27.000	27.000
62	Thùng đựng nước 80l	Cái	2	235.000	470.000
63	Đồng hồ treo tường	Cái	4	300.000	1.200.000
64	Băng dính trắng	Cuộn	7	30.000	210.000
65	Túi bóng xanh 1kg	Kg	2	72.000	144.000
66	Chậu nhựa nhỏ	Cái	3	55.000	165.000
67	Ổ cắm di động lioa	Cái	2	215.000	430.000
68	Bìa xanh A4	Gam	5	65.000	325.000
69	Bìa vàng A4	Gam	1	58.000	58.000
70	Bìa đỏ A4	Gam	1	58.000	58.000
71	Mực dấu đỏ	Lọ	10	38.000	380.000
72	Giá để đép	Cái	1	145.000	145.000
73	Bàn đập ghim nhỏ	Cái	3	280.000	840.000
74	Xe đẩy 2 bánh	Cái	1	1.620.000	1.620.000
75	Chăn bông	Cái	2	560.000	1.120.000
Tổng cộng					66.828.600

Bằng chữ: (Sáu mươi sáu triệu tám trăm hai tám ngàn sáu trăm đồng chẵn.)